

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;
2. Ông Nguyễn Văn To.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 280/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh CHÂU MI F, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Số 56, tổ 2, ấp Hòa Thạnh, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt
2. Bị đơn: Chị Hà Thị Trúc M, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số 213, tổ 2, ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/6/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh CHÂU MI F trình bày: Về hôn nhân tôi với cô Hà Thị Trúc M quen biết nhau, cha mẹ hai bên đồng ý, tôi với cô M tổ chức lễ cưới vào năm 2013, chúng tôi đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2015, quyển số 01/2015 ngày 23/3/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Chúng tôi đã cố gắng bỏ qua mọi chuyện nhưng thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Tôi với cô M đã không còn sống chung từ đó cho đến nay. Tình cảm của tôi đối với cô M không còn, yêu cầu ly hôn với cô M.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, tôi và cô M có 02 con chung tên Châu Hà Thiên K, sinh ngày 16/4/2014 và Châu Hà Thiên N, sinh ngày 19/12/2017, hiện cháu N đang sống với tôi và cháu K sống với cô M, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu Châu Hà Thiên N, cô M nuôi cháu Châu Hà Thiên K và không yêu cầu cô M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi với cô M không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hà Thị Trúc M trình bày: Về hôn nhân tôi với anh CHÂU MI F quen biết nhau, cha mẹ hai bên đồng ý, tôi với anh Mi F tổ chức lễ cưới vào năm 2013, chúng tôi đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2015, quyền số 01/2015 ngày 23/3/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Đã cố gắng bỏ qua mọi chuyện nhưng thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Tôi với anh CHÂU MI F đã không còn sống chung từ đó cho đến nay. Tình cảm của tôi đối với anh CHÂU MI F không còn, mong quý Tòa cho tôi với anh CHÂU MI F ly hôn nhau.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, tôi và anh CHÂU MI F có 02 con chung tên Châu Hà Thiên K, sinh ngày 16/4/2014 và Châu Hà Thiên N, sinh ngày 19/12/2017, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu Châu Hà Thiên K, anh CHÂU MI F nuôi cháu Châu Hà Thiên N và không yêu cầu anh CHÂU MI F cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi với anh CHÂU MI F không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi với anh CHÂU MI F có nợ chung nhưng không xác định được, tôi với anh MIF tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do chị M vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố bản tự khai ngày 23/7/2020 của chị Hà Thị Trúc M

Tại phiên tòa, anh CHÂU MI F và chị M giữ nguyên yêu cầu.

Anh CHÂU MI F và chị M xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, anh CHÂU MI F và chị Hà Thị Trúc M có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2019 giữa anh CHÂU MI F với chị M có phát sinh mâu thuẫn. Anh CHÂU MI F với chị Mai đã không còn sống chung thời gian dài, giữa anh CHÂU MI F với chị M đã thống nhất thuận tình ly hôn nhau. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai người.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh CHÂU MI F với chị M có 02 con chung tên Châu Hà Thiên K, sinh ngày 16/4/2014 và Châu Hà Thiên N, sinh ngày 19/12/2017, hiện cháu N đang sống với anh CHÂU MI F và cháu K sống với chị M, anh CHÂU MI F với chị M thống nhất thỏa thuận anh CHÂU MI F nuôi cháu Châu Hà Thiên N, chị M nuôi cháu Châu Hà Thiên K; giữa chị M với anh Mi F không phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa hai người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Anh CHÂU MI F khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với chị Hà Thị Trúc M, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số 213, tổ 2, ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh CHÂU MI F và chị Hà Thị Trúc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2015, quyền số 01/2015 ngày 23/3/2015. Xét, hôn nhân giữa anh MI F và chị M là hợp pháp.

Anh MI F khai, quá trình chung sống anh MI F và chị M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do là bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến sung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Giữa hai người đã cố gắng bỏ qua mọi chuyện nhưng thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Tình cảm của anh MI F đối với chị M không còn, yêu cầu ly hôn với chị M.

Chị Hà Thị Trúc M cho rằng tình cảm giữa chị với anh MI F không còn chị đồng ý ly hôn với anh MI F.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Anh MI F với chị M có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa anh CHÂU MI F với chị M đã thống nhất thuận tình ly hôn nhau

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh MI F với chị M.

[3] Về con chung: Anh CHÂU MI F với chị M có 02 con chung tên Châu Hà Thiên K, sinh ngày 16/4/2014 và Châu Hà Thiên N, sinh ngày 19/12/2017, hiện cháu N đang sống với anh CHÂU MI F cháu K đang sống với chị M, anh CHÂU MI F với chị M thống nhất thỏa thuận anh CHÂU MI F nuôi cháu Châu Hà Thiên N, chị Mai nuôi cháu Châu Hà Thiên K; giữa chị M với anh MI F không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét, công nhận sự thỏa thuận giữa anh CHÂU MI F với chị M. Anh CHÂU MI F nuôi cháu Châu Hà Thiên N, chị M nuôi cháu Châu Hà Thiên K; giữa chị M với anh MI F không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh MI F với chị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh MI F và chị M trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Anh CHÂU MI F với chị M thống nhất với nhau giữa hai người không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh CHÂU MI F với chị M thống nhất với nhau giữa hai người có nợ chung nhưng không xác định được và giữa hai người tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh CHÂU MI F phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh CHÂU MI F được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001215 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Hà Thị Trúc M không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh CHÂU MI F.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh CHÂU MI F với chị Hà Thị Trúc M;

Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2015, quyền số 01/2015 ngày 23/3/2015 do UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh CHÂU MI F và chị Hà Thị Trúc M không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh CHÂU MI F với chị Hà Thị Trúc M. Anh CHÂU MI F nuôi cháu Hà Thiên N, sinh ngày 19/12/2017, chị Hà Thị Trúc M nuôi cháu Châu Hà Thiên K, sinh ngày 16/4/2014; chị Hà Thị Trúc M với anh CHAU MI F không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh MI F với chị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh MI F và chị M trong việc qua lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh CHÂU MI F phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh CHÂU MI F được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001215 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Hà Thị Trúc M không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Châu Phong
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh